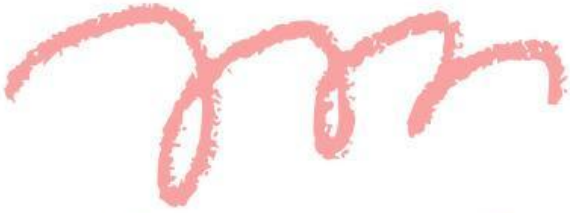






# TEST 1

# ICDL K5





by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 1:

Which one of the following is a measure of data transfer rate?

Đáp án nào là đơn vị đo tốc độ truyền dữ liệu?

- ◯ Newton
  Newton
- ◯ Metre per second
  Mét trên giây
- ◯ Joule
  Joule
- ◯ Bits per second
  Bit trên giây

## CÂU 2:

What happens when a user **e-mails** a document?

Điều gì sẽ xảy ra khi người dùng gửi đi một tài liệu thông qua email?

- ◯ Data is being edited in system files.
  Tài liệu sẽ bị chỉnh sửa trong hệ thống các tệp tin.
- ◯ Data is being uploaded to a network.
  Tài liệu sẽ được tải lên mạng.
- ◯ Data is being copied to a backup folder.
  Tài liệu sẽ được sao chép vào một thư mục dự phòng.
- ◯ Data is being deleted from the hard disk.
  Tài liệu sẽ bị xóa khỏi ổ cứng.

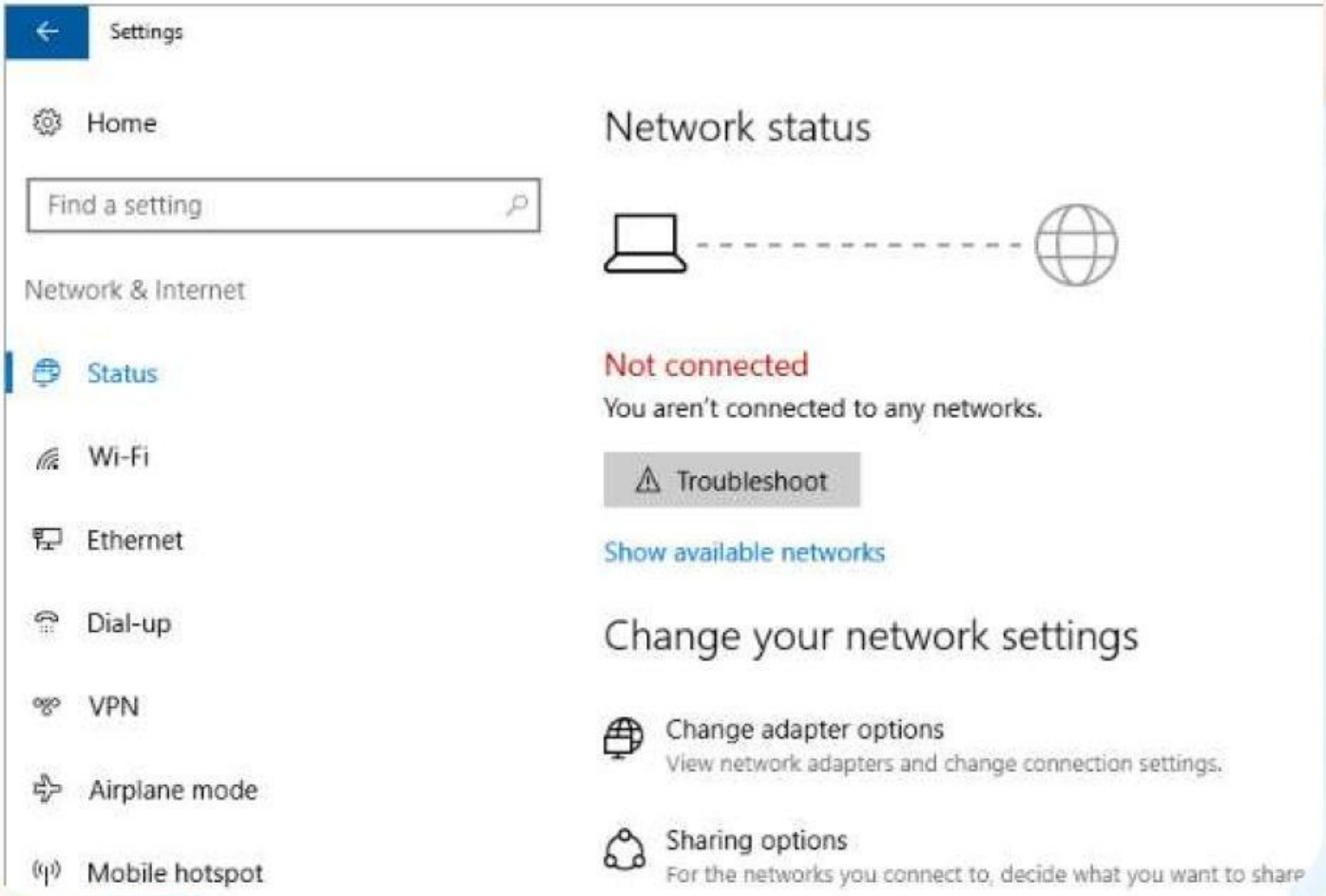
by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

# CÂU 3:

Where should you click to view a list of wireless networks?

Nhấp chuột vào vị trí nào để xem danh sách các mạng không dây?



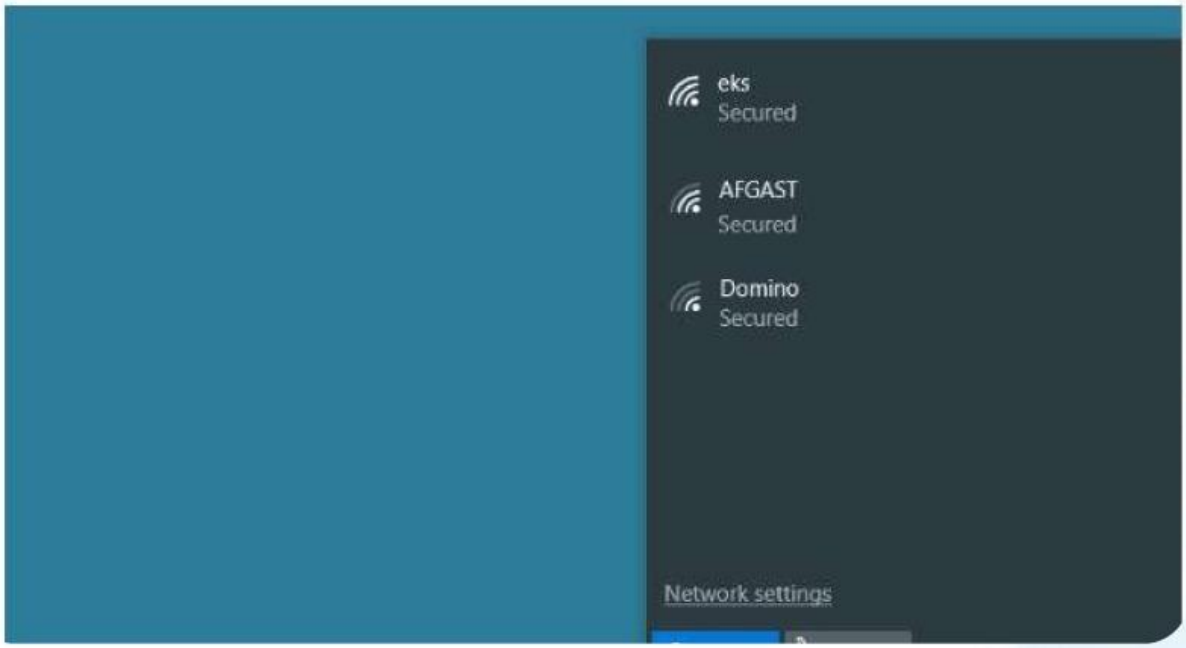

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 4:

Where should you click to connect to the **Domino** wireless network?

Nhấp chuột vào vị trí nào để kết nối với mạng không dây **Domino**?




## CÂU 5:

What is the Internet?

Internet là gì?

- ◯ A global system of interconnected computer networks.
  Là một mạng lưới các máy tính trên toàn cầu.
- ◯ A regional system of interconnected computer networks.
  Là một mạng lưới máy tính trong khu vực nhất định.
- ◯ A local system of interconnected computer networks.
  Một hệ thống cục bộ các mạng máy tính.
- ◯ None of the above.
  Không có đáp án nào đúng.

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 6:

What is the main purpose of a **web browser**?

Mục đích chính của trình duyệt web là gì?

- ◯ Programming web sites.
  Lập trình các trang Web
- ◯ View web pages.
  Hiển thị các nội dung trên trang Web
- ◯ Enable file sharing.
  Chia sẻ tệp tin.
- ◯ Provide network security.
  Cung cấp bảo mật mạng.

## CÂU 7:

What is a **hyperlink**?

Một siêu liên kết (hyperlink) là gì?

- ◯ A distribution list of interlinked email addresses.
  Một danh sách các địa chỉ email liên kết với nhau.
- ◯ A reference in a document linking to another place in the same document or to another document.
  Một liên kết đến vị trí khác trong cùng một tài liệu hoặc liên kết đến một tài liệu khác.
- ◯ A large file linking applications together on the Internet.
  Một tệp tin lớn liên kết các ứng dụng với nhau trên Internet.
- ◯ A communication protocol linking electronic devices.
  Một giao thức truyền thông liên kết các thiết bị điện tử.

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 8:

Which one of the following best describes e-mail?

Đáp án nào mô tả đúng nhất về e-mail?

- ◯ Buying goods and services online.
  Dùng để mua sắm hàng hóa và dịch vụ trực tuyến.
- ◯ Streaming video over the Internet.
  Dùng để truyền video thông qua mạng Internet.
- ◯ Sending messages over the Internet.
  Dùng để gửi thư thông qua mạng Internet.
- ◯ Connecting via social networking sites.
  Dùng để kết nối thông qua các trang mạng xã hội.

## CÂU 9:

Which one of the following is a web-based productivity application for meetings?

Đáp án nào là ứng dụng phù hợp nhất để tổ chức các cuộc họp trực tuyến?

- ◯ Zoom
- ◯ Instagram
- ◯ Google Docs
- ◯ Word 365

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 10:

Click the web browser icon.

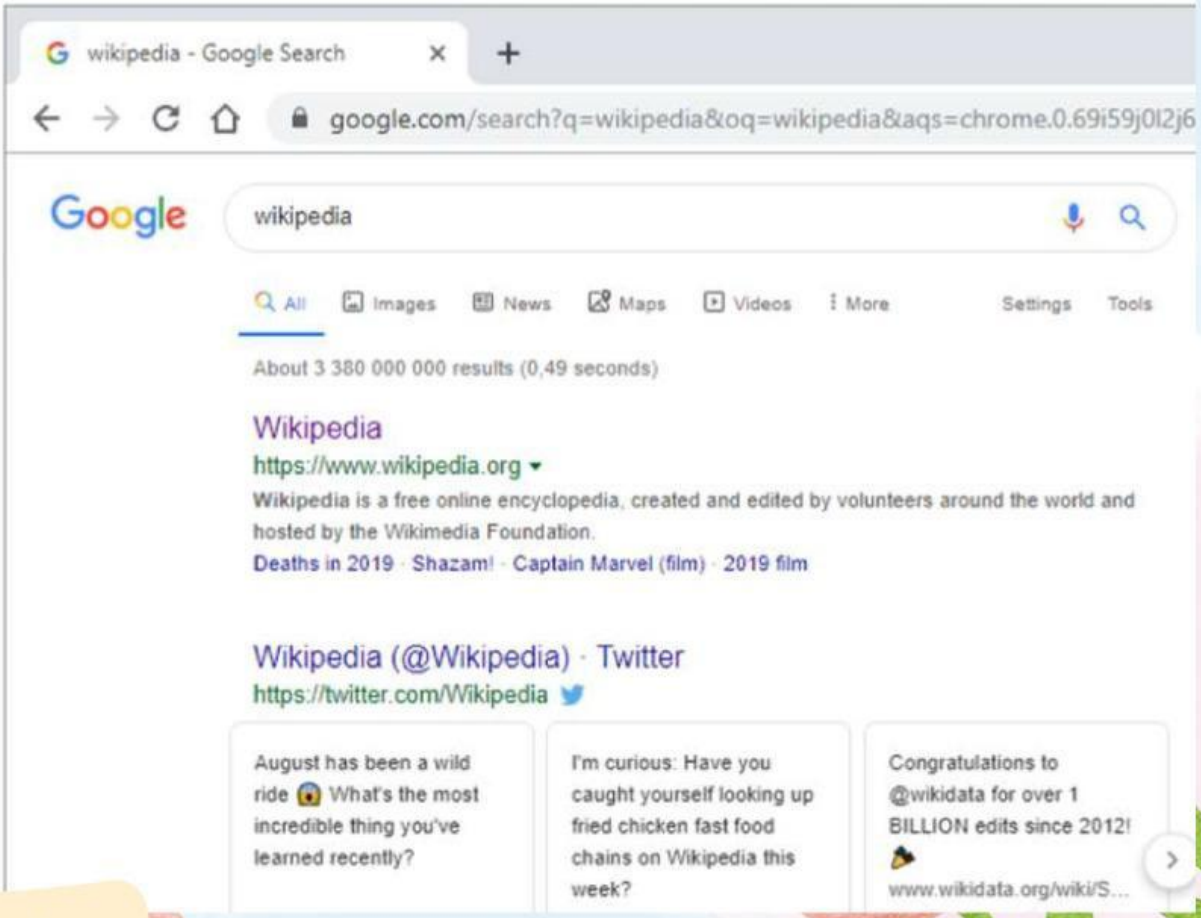
Nhấp chuột vào biểu tượng Trình duyệt web.




## CÂU 11:

Click on the URL for the web page below.

Nhấp chuột vào địa chỉ URL của trang web bên dưới.



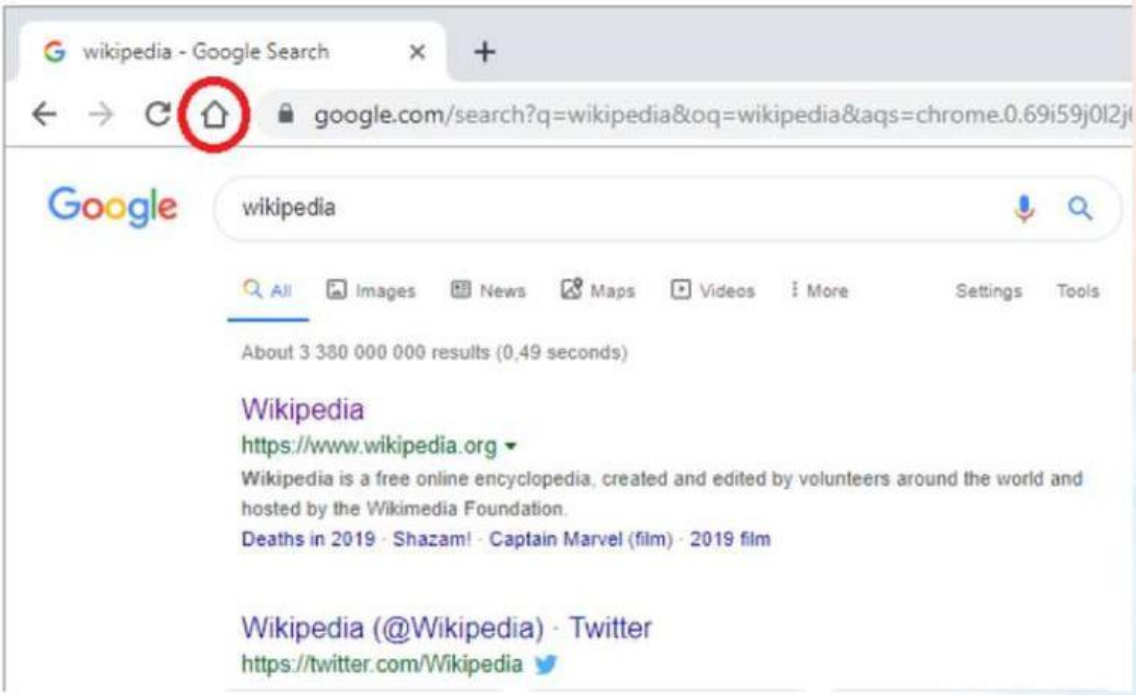

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 12:

What happens if you click the icon circled in red?

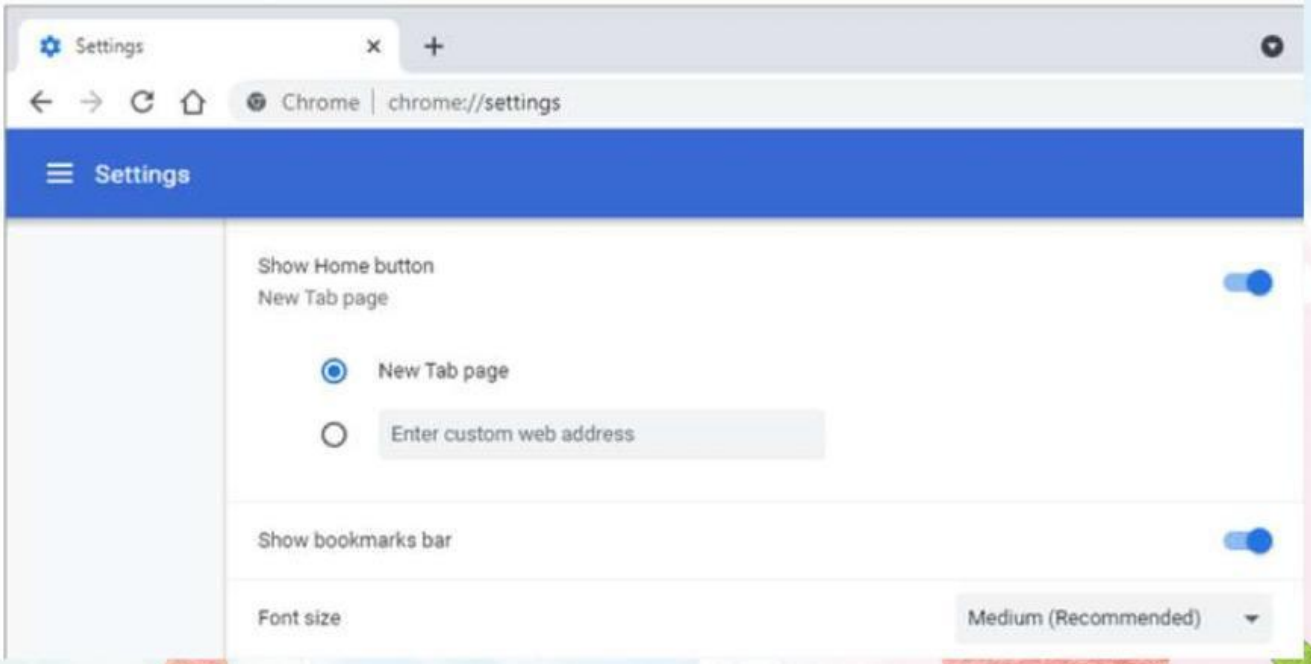
Điều gì xảy ra nếu em nhấp chuột vào biểu tượng được khoanh đỏ?




## CÂU 13:

Where should you click to change the home page?

Nhấp chuột vào vị trí nào để thay đổi trang chủ?




by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 14:

When clicked, which one of the following will connect to another web page?

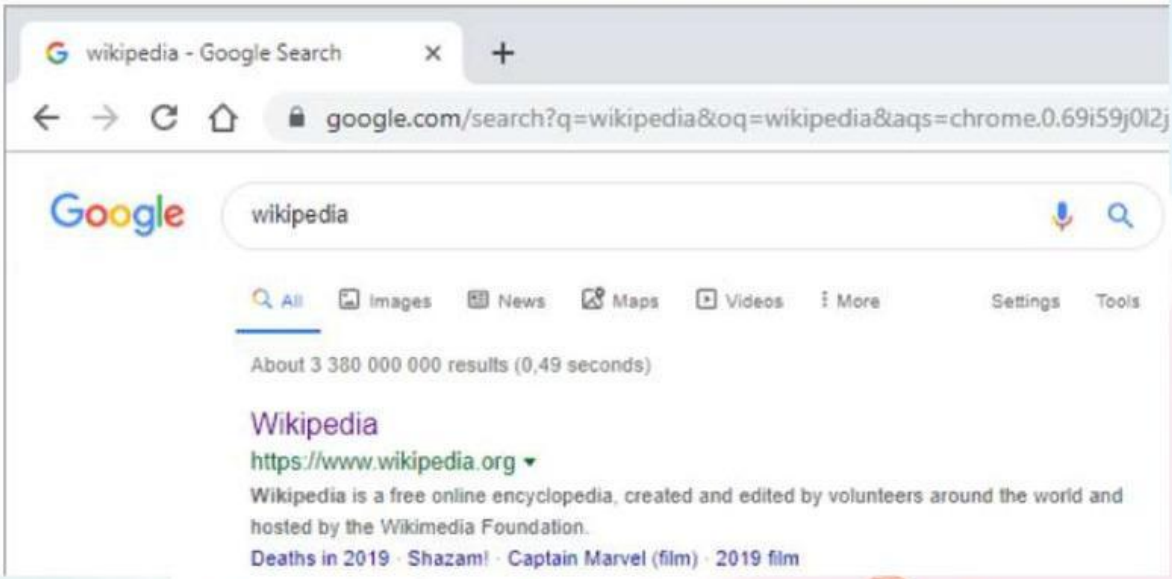
Nhấp chuột vào đối tượng nào để kết nối đến một trang web khác?

- ◯ Icon
  Biểu tượng
- ◯ Hyperlink
  Siêu liên kết
- ◯ Desktop
  Màn hình Desktop
- ◯ Cookie
  Cookie

## CÂU 15:

Where should you click to reload the web page?

Nhấp chuột vào vị trí nào để tải lại trang web?



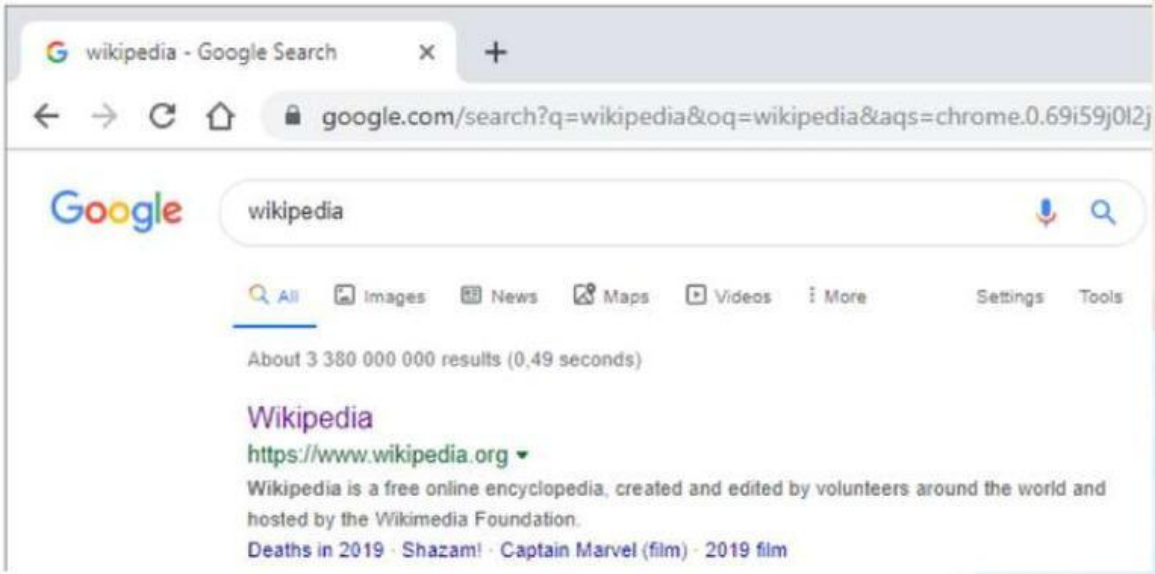

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 16:

Where should you click to show previously visited web pages?

Nhấp chuột vào vị trí nào để hiển thị trang web đã truy cập trước đó?

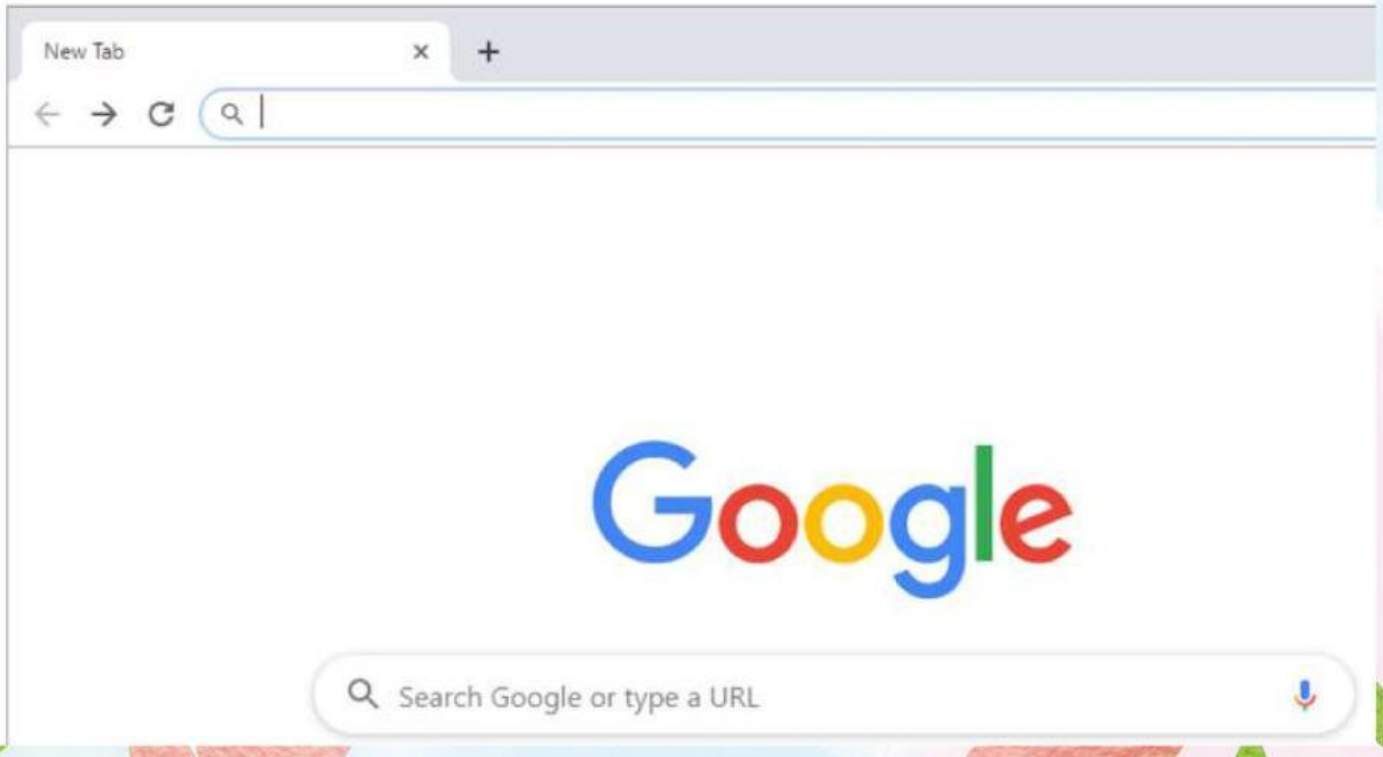



## CÂU 17:

You want to find a mobile phone.

Where should you click to enter the keywords?

Nếu muốn tìm kiếm thông tin về điện thoại di động, em nhấp chuột vào vị trí nào để nhập từ khoá tìm kiếm?




by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 18:

Can you find a record of the web sites you visited last year in your web browser?

Em có thể tìm thấy bản ghi các trang web đã truy cập từ năm ngoái trên trình duyệt web không?

- ◯ Yes, in all browsers.
  Có, có thể tìm thấy trên tất cả các trình duyệt.
- ◯ Yes, but only in older browsers.
  Có, nhưng chỉ tìm thấy ở các trình duyệt phiên bản cũ.
- ◯ No, that is not technically possible.
  Không, điều này là không thể.
- ◯ No, because it is against privacy laws.
  Không, vì điều này vi phạm quyền riêng tư.

## CÂU 19:

How can you print a piece of text on a web page?

Làm cách nào để in một đoạn văn bản của một trang web?

- ◯ Select the text, right-click the user icon and choose Print...
  Chọn văn bản, nhấp chuột phải vào biểu tượng người dùng và chọn Print...
- ◯ Select the text, right-click the homepage icon and choose Print...
  Chọn văn bản, nhấp chuột phải vào biểu tượng trang chủ và chọn Print ...
- ◯ Select the text, left-click it and choose Print...
  Chọn văn bản, nhấp chuột trái vào đoạn văn và chọn Print..
- ◯ Select the text, right-click it and choose Print...
  Chọn văn bản, nhấp chuột phải vào văn bản và chọn Print...

by My Hanh Lee

LIVEWORKSHEETS

## CÂU 20:

Which one of the following is a web-based translation service?

Đáp án nào là ví dụ về ứng dụng dịch thuật trên nền tảng web?

- ◯ Google Translate
- ◯ Zoom Translate
- ◯ Wikipedia Translate
- ◯ Word Translate

## CÂU 21:

Which one of the following passwords is an example of good practice?

Đáp án nào là ví dụ về một mật khẩu có tính bảo mật cao?

- ◯ johnB
- ◯ BakerJohn
- ◯ joHn#Baker32
- ◯ 123654